



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tâm	Thành viên
Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến ngành vận tải hành khách trong đó có Công ty CP Hoàng Hà. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng do đại dịch mang tới. Chúng tôi đã và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi - phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Số: 032805/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 134.650.445.868 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào việc gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp và việc phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2022 để bổ sung nguồn vốn lưu động, trang trải các khoản nợ đến hạn thanh toán và có nguồn vốn triển khai Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

A blue handwritten signature, "Hoàng Văn Phúc", is written on the right side of the page.

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.054.647.664	26.076.050.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.025.154.083	6.231.425.758
1. Tiền	111		1.025.154.083	1.231.425.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.190.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.190.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.251.850.384	14.211.446.071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	6.311.274.963	12.672.095.941
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	158.691.000	220.740.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	781.884.421	1.318.610.130
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	3.179.579.900	2.891.509.607
1. Hàng tồn kho	141		3.179.579.900	2.891.509.607
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		408.063.297	2.741.669.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	403.002.824	1.017.352.579
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.718.923.601
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	5.060.473	5.393.312
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		306.129.217.212	418.292.979.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		584.015.445	18.809.471.616
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	584.015.445	18.809.471.616
II. Tài sản cố định	220		253.577.007.938	294.222.368.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	235.614.225.486	262.935.790.339
- Nguyên giá	222		428.533.299.040	439.556.407.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.919.073.554)	(176.620.616.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	17.885.569.551	31.286.577.886
- Nguyên giá	225		65.708.762.941	80.802.661.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.823.193.390)	(49.516.083.229)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	77.212.901	-
- Nguyên giá	228		163.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.787.099)	(75.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.205.053.476	4.335.060.480
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10.205.053.476	4.335.060.480
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.491.783.850	74.656.332.078
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	30.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	-	25.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.216.150)	(343.667.922)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.271.356.503	26.269.747.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	12.271.356.503	26.269.747.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		319.183.864.876	444.369.030.520

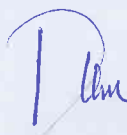
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		98.666.228.037	155.298.070.996
I. Nợ ngắn hạn	310		72.900.386.969	116.655.544.596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.613.472.178	4.086.819.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		100.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	1.855.098.713	371.936.900
4. Phải trả người lao động	314		483.997.000	1.877.955.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	106.171.045	1.507.256.412
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	740.842.620	858.067.940
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	5.182.519.230	5.036.461.340
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	60.818.286.183	102.621.986.210
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	295.061.423
II. Nợ dài hạn	330		25.765.841.068	38.642.526.400
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	-	232.404.813
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	42.471.000	48.100.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	25.723.370.068	38.362.021.587
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		220.517.636.839	289.070.959.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	220.517.636.839	289.070.959.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.272.435.487	5.272.435.487
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(134.650.445.868)	(66.097.123.183)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(66.097.123.183)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(68.553.322.685)	(66.097.123.183)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		319.183.864.876	444.369.030.520


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		94.335.266.140	112.589.709.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	94.335.266.140	112.589.709.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	128.607.360.633	144.063.891.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(34.272.094.493)	(31.474.182.050)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		41.932.495	4.888.701
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	7.567.520.251	12.845.863.250
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.884.568.095	12.619.891.372
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	16.450.902.446	15.954.205.530
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(58.248.584.695)	(60.269.362.129)
10. Thu nhập khác	31	VI.5	18.350.984	98.820.273
11. Chi phí khác	32	VI.6	10.323.088.974	5.926.581.327
12. Lợi nhuận khác	40		(10.304.737.990)	(5.827.761.054)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(68.553.322.685)	(66.097.123.183)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(68.553.322.685)	(66.097.123.183)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(68.553.322.685)	(66.097.123.183)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	33.940.546.670	37.657.812.231
Các khoản dự phòng	03	164.548.228	225.951.444
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	42.252	20.434
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.734.604.490	2.239.322.723
Chi phí lãi vay	06	6.884.568.095	12.619.891.372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(22.829.012.950)	(13.354.124.979)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	26.931.869.828	61.448.540.464
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(288.070.293)	7.179.724.660
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.008.406.046)	(6.463.799.199)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	14.612.740.445	(7.007.603.587)
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.285.653.462)	(11.747.987.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(355.791.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	9.133.467.522	29.698.958.515
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.938.079.996)	(34.113.241.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.216.363.632	6.104.545.455
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.190.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	45.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.370.965	208.370.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.102.654.601	(27.800.325.522)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	47.632.081.031	102.596.702.312
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(94.606.795.189)	(99.096.389.103)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.467.637.388)	(5.193.956.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.442.351.546)	(1.693.642.910)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.206.229.423)	204.990.083
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.231.425.758	6.026.456.109
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(42.252)	(20.434)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.025.154.083	6.231.425.758


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bến xe khách Bến xe phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 230 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 436 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2021, tổng công nợ ngắn hạn đã vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền 59.845.739.305 đồng, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 134.650.445.868 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp, bổ sung vốn lưu động bằng cách phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ cũng như diễn biến của dịch Covid - 19.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình hiện tại đã hoàn thành xong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Công ty sẽ tập trung nguồn lực để đầu tư, xây dựng Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình theo tiêu chuẩn bến xe khách loại I thành phố Thái Bình. Dự án này hoàn thành sẽ đảm bảo mang lại nguồn thu đáng kể cho Công ty.
- Năm 2022, Công ty có kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ. Tổng giá trị dự kiến chào bán của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Việc huy động này sẽ góp phần bổ sung thêm nguồn vốn lưu động, giúp Công ty trang trải các khoản nợ đến hạn thanh toán và có nguồn vốn triển khai Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Khu đô thị Vũ Phúc Riverside, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm, mở rộng thị trường mua bán xe ô tô và thị trường bất động sản. Đây là hướng đi mới rất khả quan và mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty.
- Ngành giao thông vận tải đã chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid - 19. Công ty đang tăng cường, điều chỉnh công tác quản lý cho phù hợp như: mở rộng việc khoán doanh thu cho các bộ phận, phòng ban trực tiếp tham gia sản xuất nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, cải thiện đời sống người lao động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tìm kiếm các khoản thu khác như thanh lý với một số xe ô tô cũ, không thích hợp sử dụng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý một số phương tiện vận tải và thu được toàn bộ số tiền là 3.537.999.995 đồng. Qua đó, có nguồn tài chính để trang trải, đầu tư đổi mới phương tiện vận tải xe khách, nhằm nâng cao năng suất và chất lượng, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)**

- Công ty thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý, chi phí gián tiếp,... Ví dụ, Công ty đã xây dựng quy định về sử dụng điện tại cơ quan nhằm hướng dẫn CBCNV có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện. Thường xuyên kiểm tra công tác tiết kiệm điện trong cơ quan.
- Một số ngân hàng đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn của Công ty, giảm lãi suất vay năm 2021. Công ty cũng đang tiếp tục trong quá trình làm việc với các ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, hoãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Công ty cũng đang tiếp tục tận dụng một số chính sách hỗ trợ từ Nhà nước để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải	<u>Năm khấu hao</u> 03 - 10
---------------------	--------------------------------

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	<u>Năm khấu hao</u> 05
Phần mềm taxi	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	302.488.451	1.180.939.592
Tiền gửi ngân hàng	722.665.632	50.486.166
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	1.025.154.083	6.231.425.758

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.190.000.000	-
Cộng	1.190.000.000	-

(*)Khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với tổng số tiền gửi là 1.190.000.000 đồng. Lãi suất là 4,9%/năm. Khoản tiền gửi này đáo hạn tại ngày 23/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Hà Nội	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Ga (IRS)	55.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.691.000	220.740.000
Cộng	158.691.000	220.740.000

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Thăng Long	3.387.937.000	2.584.437.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Kim Long	984.922.200	1.378.663.640
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	688.710.413	513.636.413
Khách hàng khác	1.249.705.350	8.195.358.888
Cộng	6.311.274.963	12.672.095.941
b) Phải thu các bên liên quan		
Trong đó khách hàng là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	1.219.561.413	1.092.487.413

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.000.000	-
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuê tài chính	744.211.763	1.293.628.560
Phải thu khác	30.672.658	24.981.570
Cộng	781.884.421	1.318.610.130
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	584.015.445	829.471.616
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiền Bình	-	17.980.000.000
Cộng	584.015.445	18.809.471.616

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	391.665.877	778.273.113
Chi phí trả trước khác	11.336.947	239.079.466
Cộng	403.002.824	1.017.352.579
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	9.954.250.193	17.191.065.821
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.106.378.270	4.153.144.306
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	186.410.404	3.116.789.334
Chi phí trả trước khác	24.317.636	1.808.747.732
Cộng	12.271.356.503	26.269.747.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.179.579.900	-	2.566.964.152	-
Hàng hoá	-	-	324.545.455	-
Cộng	3.179.579.900	-	2.891.509.607	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số thực nộp/bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	-	393.312	-	-	393.312	
Thuế môn bài	5.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	5.000.000	
Thuế, phí, lệ phí khác	60.473	-	60.473	60.473	-	
Cộng	5.060.473	4.393.312	4.060.473	4.060.473	5.393.312	
b) Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	1.415.901.501	8.849.353.529	7.433.452.028	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.854.576	-	-	-	146.854.576	
Thuế thu nhập cá nhân	4.880.519	5.310.600	14.456.500	14.456.500	14.026.419	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	173.503.180	173.503.180	-	-	-	
Thuế, phí, lệ phí khác	113.958.937	4.711.552	101.808.520	101.808.520	211.055.905	
Cộng	1.855.098.713	9.032.878.861	7.549.717.048	7.549.717.048	371.936.900	

CÔNG TY CỔ PHẦN HOANG HÁSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DNBan hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày đầu năm
Xây dựng cơ bản hoàn thành
Mua lại TSCĐ thuê tài chính
Mua trong năm
Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày cuối năm

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày đầu năm
Khấu hao trong năm
Mua lại TSCĐ thuê tài chính
Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày cuối năm

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm
Tại ngày cuối năm

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	220.489.736.357	28.063.866.344	146.940.579.055	44.062.225.326	439.556.407.082					
	1.060.000.000	-	-	-	1.060.000.000					
	-	-	15.133.985.174	-	15.133.985.174					
	-	-	50.000.000	-	50.000.000					
	-	-	(27.267.093.216)	-	(27.267.093.216)					
	221.549.736.357	28.063.866.344	134.857.471.013	44.062.225.326	428.533.299.040					

	45.449.214.575	22.300.849.421	97.651.113.040	11.219.439.707	176.620.616.743					
	8.123.637.688	2.661.743.820	9.483.933.899	6.311.770.313	26.581.085.720					
	-	-	9.041.563.690	-	9.041.563.690					
	-	-	(19.324.192.599)	-	(19.324.192.599)					
	53.572.852.263	24.962.593.241	96.852.418.030	17.531.210.020	192.919.073.554					

	175.040.521.782	5.763.016.923	49.289.466.015	32.842.785.619	262.935.790.339					
	167.976.884.094	3.101.273.103	38.005.052.983	26.531.015.306	235.614.225.486					

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55.872.865.668 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 98.223.268.047 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61.625.774.825 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 53.314.106.421 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	80.802.661.115	80.802.661.115
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(15.093.898.174)	(15.093.898.174)
Tại ngày cuối năm	<u>65.708.762.941</u>	<u>65.708.762.941</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	49.516.083.229	49.516.083.229
Khấu hao trong năm	7.348.673.851	7.348.673.851
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(9.041.563.690)	(9.041.563.690)
Tại ngày cuối năm	<u>47.823.193.390</u>	<u>47.823.193.390</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>31.286.577.886</u>	<u>31.286.577.886</u>
Tại ngày cuối năm	<u>17.885.569.551</u>	<u>17.885.569.551</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	75.000.000	75.000.000
Mua trong năm	88.000.000	88.000.000
Tại ngày cuối năm	<u>163.000.000</u>	<u>163.000.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	75.000.000	75.000.000
Khấu hao trong năm	10.787.099	10.787.099
Tại ngày cuối năm	<u>85.787.099</u>	<u>85.787.099</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>77.212.901</u>	<u>77.212.901</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Bến xe phía Tây Thái Bình	10.205.053.476	4.335.060.480
Cộng	<u>10.205.053.476</u>	<u>4.335.060.480</u>

Dự án Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình được thực hiện theo Hợp đồng BOO số 03/HĐ - BOO ngày 12 tháng 02 năm 2018 ký giữa Sở giao thông vận tải Thái Bình và Công ty Cổ phần Hoàng Hà. Quy mô diện tích của dự án là 47.683 m². Thời gian chuẩn bị và xây dựng công trình theo hợp đồng là từ năm 2018 đến năm 2019. Thời gian quản lý và khai thác là 50 năm. Tổng vốn đầu tư tạm tính của dự án là 118.983.000.000 đồng. Hiện tại, dự án đã hoàn thiện xong quá trình giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính
Mẫu số B 09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tỷ lệ biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
100%	30.000.000.000	(508.216.150)	50.000.000.000	(19.411.908)
	30.000.000.000	(508.216.150)	50.000.000.000	(19.411.908)

Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình
Cộng**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Tỷ lệ biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
0,00%	-	-	25.000.000.000	(324.256.014)
	-	-	25.000.000.000	(324.256.014)

Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
Cộng**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thương mại Thái Bình Xanh	1.595.141.754	1.595.141.754	201.078.214	201.078.214
Công ty TNHH Dầu nhờn Quốc tế Thụy Dương	347.456.970	347.456.970	285.372.970	285.372.970
Công ty TNHH Cổ phần Dầu mỡ nhờn Đức Cường	-	-	1.212.475.000	1.212.475.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.670.873.454	1.670.873.454	2.387.893.187	2.387.893.187
Cộng	3.613.472.178	3.613.472.178	4.086.819.371	4.086.819.371
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh VII.1)	1.724.347.754	1.724.347.754	231.684.614	231.684.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	106.171.045	1.507.256.412
Cộng	106.171.045	1.507.256.412

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Nhận trước tiền thuê mặt bằng	740.842.620	858.067.940
Cộng	740.842.620	858.067.940
b) Dài hạn		
Chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính	-	232.404.813
Cộng	-	232.404.813

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	116.510.160	126.510.160
Bảo hiểm xã hội	925.098.305	-
Bảo hiểm y tế	16.657.225	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.742.413	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.050.626.702	4.038.515.591
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long	-	821.890.810
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.884.425	49.544.779
Cộng	5.182.519.230	5.036.461.340
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	4.050.626.702	4.038.515.591
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.471.000	48.100.000
Cộng	42.471.000	48.100.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	40.321.476.848	40.321.476.848	47.632.081.031	49.277.975.445
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	19.541.259.019	19.541.259.019	25.614.681.293	24.520.798.674
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	20.780.217.829	20.780.217.829	22.017.399.738	24.757.176.771
Vay cá nhân, tổ chức	-	-	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	-	-	20.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	10.881.642.000	10.881.642.000	-	20.041.845.557
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	9.615.167.335	9.615.167.335	-	13.302.165.208
Cộng	60.818.286.183	60.818.286.183	102.621.986.210	102.621.986.210

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/416446/HĐTD ngày 08 tháng 07 năm 2021. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 23.000.000.000 đồng (trong đó đã bao gồm dư nợ từ hợp đồng số 01/2019/416446 ngày 05/08/2019 chuyển sang). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/06/2022 kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02100/HĐTD/21/00016-VCB ngày 04 tháng 02 năm 2021 với hạn mức cho vay là 24.757.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, thương mại, sửa chữa ô tô. Tài sản bảo đảm quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp.

Handwritten signature and stamp in red ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Trion Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính
Mẫu số B 09 - DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản vay dài hạn của Công ty	36.137.198.995	36.137.198.995	-	18.018.215.561	54.155.414.556	54.155.414.556
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	15.084.933.000	15.084.933.000	-	7.617.982.108	22.702.915.108	22.702.915.108
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	19.007.583.995	19.007.583.995	-	8.500.004.004	27.507.587.999	27.507.587.999
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	-	1.511.999.449	1.511.999.449	1.511.999.449
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình (iii)	2.044.682.000	2.044.682.000	-	388.230.000	2.432.912.000	2.432.912.000
Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn	10.082.980.408	10.082.980.408	-	7.467.637.388	17.550.617.796	17.550.617.796
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	5.601.162.250	5.601.162.250	-	3.032.948.250	8.634.110.500	8.634.110.500
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (v)	4.481.818.158	4.481.818.158	-	4.434.689.138	8.916.507.296	8.916.507.296
Trừ: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	10.881.642.000	10.881.642.000			20.041.845.557	20.041.845.557
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	4.200.000.000	4.200.000.000			7.617.982.108	7.617.982.108
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.896.548.000	5.896.548.000			10.593.096.000	10.593.096.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-			1.209.599.449	1.209.599.449
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Thái Bình	785.094.000	785.094.000			621.168.000	621.168.000
Trừ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	9.615.167.335	9.615.167.335			13.302.165.208	13.302.165.208
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	5.133.349.170	5.133.349.170			7.068.505.000	7.068.505.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	4.481.818.165	4.481.818.165			6.233.660.208	6.233.660.208
Cộng	25.723.370.068	25.723.370.068			38.362.021.587	38.362.021.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

(ii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017); Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fusco Rosa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu Lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.

(iv) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cổ phần Hoàng Hà với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 391.584.750 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04/12/2017 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đỏ. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.587.502.500 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) 01.026/2018/TSC-CTTC ngày 23/04/2018 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Giá trị cho thuê tạm tính là: 11.820.000.000 đồng (giá bao gồm VAT), Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 10 xe ô tô khách Samco. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.622.075.000 đồng.

(v) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB leasing) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.397.682.594 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 302.504.766 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 269.601.732 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 773.562.117 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 260.209.143 đồng.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.478.257.806 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính:		
Trong vòng một năm	9.615.167.335	13.302.165.208
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	467.813.073	4.248.452.588
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	10.082.980.408	17.550.617.796
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	9.615.167.335	13.302.165.208
Số phải trả sau 12 tháng	467.813.073	4.248.452.588

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do vay dài hạn:		
Trong vòng một năm	10.881.642.000	20.041.845.557
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	25.255.556.995	34.113.568.999
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	36.137.198.995	54.155.414.556
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.881.642.000	20.041.845.557
Số phải trả sau 12 tháng	25.255.556.995	34.113.568.999

CÔNG TY CỔ PHẦN HOANG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	348.963.540.000	932.107.220	4.944.328.656	328.106.831	355.168.082.707
Lỗi trong năm	-	-	-	(66.097.123.183)	(66.097.123.183)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	328.106.831	(328.106.831)	-
Số dư đầu năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(66.097.123.183)	289.070.959.524
Lỗi trong năm	-	-	-	(68.553.322.685)	(68.553.322.685)
Số dư cuối năm nay	348.963.540.000	932.107.220	5.272.435.487	(134.650.445.868)	220.517.636.839

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2021				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.611.662.475	64.906.870.930	5.816.732.735	94.335.266.140
Tổng doanh thu	23.611.662.475	64.906.870.930	5.816.732.735	94.335.266.140
Chi phí phân bổ	26.675.486.029	113.625.986.906	4.756.790.145	145.058.263.079
- Giá vốn hàng bán	22.557.904.430	102.307.032.230	3.742.423.973	128.607.360.633
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.117.581.599	11.318.954.676	1.014.366.172	16.450.902.446
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.063.823.554)	(48.719.115.976)	1.059.942.590	(50.722.996.939)
Doanh thu hoạt động tài chính				41.932.495
Chi phí tài chính				7.567.520.251
Lợi nhuận (lỗ) khác				(10.304.737.990)
Lợi nhuận trước thuế TNDN				(68.553.322.685)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	22.217.005.442	-	22.217.005.442
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.002.646.238	32.994.466.654	2.956.851.740	47.953.964.632
Số dư tại ngày 31/12/2021				
Tài sản bộ phận	530.000.000	316.932.232.263	1.721.632.613	319.183.864.876
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	530.000.000	316.932.232.263	1.721.632.613	319.183.864.876
Nợ phải trả bộ phận	256.000.000	98.410.228.037	-	98.666.228.037
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	256.000.000	98.410.228.037	-	98.666.228.037

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.335.266.140	112.589.709.604
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.906.870.930	82.005.698.899
- Doanh thu bán hàng hóa	23.343.424.818	24.884.551.689
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.816.732.735	5.699.459.016
- Doanh thu khác	268.237.657	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.335.266.140	112.589.709.604

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.307.032.230	116.712.058.719
Giá vốn hàng hóa đã bán	22.289.666.773	23.573.791.985
Giá vốn bất động sản	3.742.423.973	3.778.040.950
Giá vốn khác	268.237.657	-
Cộng	128.607.360.633	144.063.891.654

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.884.568.095	12.619.891.372
Dự phòng tổn thất đầu tư	682.909.904	324.256.014
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(98.304.570)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.252	20.434
Cộng	7.567.520.251	12.845.863.250

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	5.312.057.821	6.776.768.044
Chi phí công cụ dụng cụ	2.638.395.085	1.929.472.625
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.994.432.344	3.640.160.959
Thuế, phí và lệ phí	199.724.864	128.844.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.909.170.303	2.245.589.824
Chi phí bằng tiền khác	1.397.122.029	1.233.369.460
Cộng	16.450.902.446	15.954.205.530

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	17.000.000	87.737.000
Các khoản thu nhập khác	1.350.984	11.083.273
Cộng	18.350.984	98.820.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao của xe dừng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid - 19	5.526.866.692	3.408.111.628
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	4.726.536.985	2.243.757.089
Các khoản phạt chậm nộp	65.580.069	270.638.268
Chi phí khác	4.105.228	4.074.342
Cộng	10.323.088.974	5.926.581.327

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(68.553.322.685)	(66.097.123.183)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	13.329.241.473	4.680.258.956
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>13.329.241.473</i>	<i>4.680.258.956</i>
+ Các khoản phạt	69.614.101	269.958.238
+ Chi phí khấu hao xe dừng hoạt động	5.526.866.692	3.408.111.628
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	6.842.635.600	-
+ Chi phí không được trừ khác	890.125.080	1.002.189.090
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(55.224.081.212)	(61.416.864.227)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(55.224.081.212)	(61.416.864.227)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

8. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.184.186.454	39.734.762.638
Chi phí nhân công	38.120.690.170	36.379.233.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.940.546.670	37.657.812.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.655.404.096	6.086.221.764
Chi phí khác bằng tiền	4.358.802.764	5.033.274.790
Cộng	128.259.630.154	124.891.304.598

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀSố nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	Công ty Con
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là cổ đông lớn của Thái Bình Xanh
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	Ông Lưu Huy Hoàng - con trai ông Lưu Huy Hà là đại diện pháp luật của Hoàng Tân
Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Tổng Giám đốc
Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.587.272.724	1.493.099.998
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	87.272.728	87.272.728
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.499.999.996	1.244.727.270
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	161.100.000
Mua hàng	14.319.627.740	31.373.060.428
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	13.984.557.740	31.211.562.428
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	335.070.000	161.498.000
Đi vay	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000
Trả gốc vay	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	20.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	12.111.111	16.471.111
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	12.111.111	16.471.111
Thu hồi đầu tư vốn góp	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	20.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.219.561.413	1.092.487.413
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	688.710.413	513.636.413
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	48.000.000	96.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	482.851.000	482.851.000
Phải trả người bán ngắn hạn	1.724.347.754	231.684.614
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	1.595.141.754	201.078.214
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	129.206.000	30.606.400
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	-	20.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.050.626.702	4.038.515.591
Công ty TNHH MTV Bến xe khách phía Tây Thái Bình	4.050.626.702	4.038.515.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát trong năm:

	Năm nay VND
Ông Lưu Huy Hà - Chủ tịch HĐQT	186.394.762
Ông Nguyễn Hữu Hoan - Tổng Giám đốc	158.056.251
Ông Đinh Văn Thọ - Phó Tổng Giám đốc	125.831.442
Ông Lưu Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	140.404.613
Bà Nguyễn Thu Hương - Trưởng Ban kiểm soát	138.843.332
Cộng	749.530.400

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 47.632.081.031 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 94.606.795.189 đồng.

- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 7.467.637.388 đồng.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Giá vốn hàng bán	147.472.003.282	(3.408.111.628)	144.063.891.654
Chi phí khác	2.518.469.699	3.408.111.628	5.926.581.327


Nghiêm Thị Hiếu
Người lập

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2022


Phạm Thị Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Hoan
Tổng Giám đốc

